

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3216 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 31 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công và hàng hóa, dịch vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*





*Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công và hàng hóa, dịch vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 7243/TTr-STC ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc ban hành hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công và hàng hóa, dịch vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công và hàng hóa, dịch vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được quy định thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thực hiện đảm bảo tuân thủ quy định về tiêu chuẩn, định mức, điều kiện, phương thức, trình tự, thủ tục, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I); đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc mua sắm tài sản công và hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Luật Đấu thầu và pháp luật có liên quan.

#### **3. Trách nhiệm Sở Tài chính:**

a) Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương được quy định tại nội dung Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.

b) Hướng dẫn việc triển khai thực hiện công tác mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ và công tác quản lý, sử dụng tài sản công đối với các cơ quan, tổ



chức, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo đúng quy định.

c) Hàng năm, tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ và công tác quản lý, sử dụng tài sản công đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý kết quả kiểm tra theo đúng quy định.

d) Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định.

#### 4. Trách nhiệm Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quy định, chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, giám sát công tác tổ chức đấu thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo quy định pháp luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành.

#### 5. Trách nhiệm Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quy định, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với công tác triển khai thực hiện đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương được quy định tại nội dung Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.

b) Hướng dẫn việc triển khai thực hiện đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo đúng quy định.

#### 6. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai:

a) Quyết định quản lý, sử dụng tài sản công và việc mua sắm tài sản công và hàng hóa, dịch vụ theo quy định pháp luật hiện hành, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về quyết định của mình.

b) Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; về mua sắm tài sản công và hàng hóa, dịch vụ. Thực hiện quyết định của cấp có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công và việc mua sắm tài sản công và hàng hóa, dịch vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc về quản lý, sử dụng tài sản công; lập và quản lý hồ sơ về tài sản; thực hiện trình tự, thủ tục mua sắm, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy và các hình thức xử lý tài sản công khác theo quy định hiện hành.

d) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý tài chính, các khoản thu, chi có liên quan khi thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy và các hình thức xử lý tài sản công khác theo quy định hiện hành.

đ) Báo cáo kết quả thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công và thực hiện công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THNC, KTNS.



**Võ Tấn Đức**





**HƯỚNG DẪN**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công và hàng hóa, dịch vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số: 226/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**PHẦN I. MUA SẮM TÀI SẢN CÔNG (BAO GỒM TÀI SẢN CÔNG LÀ VẬT TIÊU HAO), HÀNG HÓA, DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ, MUA SẮM CÁC HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**Mục 1. Mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao), hàng hóa dịch vụ**

Căn cứ quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 2 Điều 41 Luật Đấu thầu, cấp có thẩm quyền quyết định việc mua sắm theo quy định tại Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND đồng thời là cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

**Tiểu mục 1. Mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi tắt là nhà, đất); phương tiện vận tải đường bộ (xe ô tô, mô tô, xe chuyên dùng và các phương tiện vận tải đường bộ khác), phương tiện vận tải đường thủy và các phương tiện vận tải khác theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND**

**1. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I):**

Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đến Sở Tài chính để thẩm định, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

**2. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I); các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện:**

Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu mua sắm tài sản chuẩn bị hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp



luật đấu thầu, trình cơ quan cấp trên trực tiếp để rà soát, gửi Sở Tài chính thẩm định, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

3. Việc xác định giá gói thầu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

**Tiểu mục 2. Mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao), hàng hóa, dịch vụ có giá trị không quá 200 triệu đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND**

1. Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng; Người đứng đầu đơn vị dự toán các cấp giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định mua sắm có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách thực hiện lập, thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

2. Việc xác định giá gói thầu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

**Tiểu mục 3. Mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao), hàng hóa, dịch vụ tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND**

1. Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng; Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư hoặc Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định mua sắm có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách thực hiện lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

2. Việc xác định giá gói thầu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.



**Tiểu mục 4. Mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao), hàng hóa, dịch vụ thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.**

**1. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I):**

Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định mua sắm có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu đối với việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) và thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

**2. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện:**

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định mua sắm có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách thực hiện thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu đối với việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng để lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gửi cơ quan có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nhiệm vụ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

**3. Việc xác định giá gói thầu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.**



**Mục 2. Mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao), hàng hóa dịch vụ thuộc trường hợp quy định chuyển tiếp tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.**

Trên cơ sở dự toán mua sắm (hoặc gói thầu hoặc nội dung mua sắm) nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền quyết định việc mua sắm theo quy định tại Nghị quyết số 112/2018/NQ-HĐND, cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp tục thực hiện trình tự, thủ tục lập, trình hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu đến cấp có thẩm quyền quyết định việc mua sắm được quy định tại Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND để phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức mua sắm theo đúng quy định pháp luật đấu thầu.

**Mục 3. Đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.**

**Tiểu mục 1. Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).**

Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện mua sắm theo nội dung hướng dẫn tại Mục 1 Phần I Hướng dẫn này và thẩm quyền quy định tại Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.

**Tiểu mục 2. Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP (hoạt động đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 24 Điều 3 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).**

1. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 51a Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP) được xác định theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.

2. Việc tổ chức thẩm định dự án, trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 51a Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).



3. Việc thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 5 Điều 51a Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP) được thực hiện như sau:

3.1. Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định (điểm b khoản 5 Điều 51a Nghị định số 73/2019/NĐ-CP):

a) Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết.

b) Các trình tự, thủ tục lập hồ sơ thiết kế cơ sở, hồ sơ thiết kế chi tiết dự án và trình thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở, hồ sơ thiết kế chi tiết dự án được thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

3.2. Đối với dự án do cấp có thẩm quyền quyết định không thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp (điểm c khoản 5 Điều 51a Nghị định số 73/2019/NĐ-CP):

a) Đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin trực thuộc cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư là cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết.

b) Các trình tự, thủ tục lập hồ sơ thiết kế cơ sở, hồ sơ thiết kế chi tiết dự án và trình thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở, hồ sơ thiết kế chi tiết dự án được thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

c) Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết trực thuộc cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư lấy ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế cơ sở, hồ sơ thiết kế chi tiết dự án nhằm đảm bảo thực hiện đúng yêu cầu đối với hồ sơ thiết kế cơ sở, hồ sơ thiết kế chi tiết dự án theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

**Tiểu mục 3. Đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).**

1. Cấp có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 52; khoản 1 Điều 53 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 28, khoản 31 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP) được xác định theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.

2. Việc thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng (thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường) được thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 31 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).



3. Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ thuê dịch vụ lập, trình thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

4. Cơ quan, đơn vị chủ trì thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng lấy ý kiến Sở Thông tin và Truyền thông nhằm đảm bảo nội dung kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng và nội dung thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng phù hợp quy định tại Điều 54, Điều 56 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được bổ sung bởi điểm b khoản 32, khoản 34 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

**Tiểu mục 4. Tổ chức mua sắm trên cơ sở kết quả chấp thuận của cấp có thẩm quyền (quyết định đầu tư đối với trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư; quyết định phê duyệt kế hoạch thuê đối với trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ).**

1. Trên cơ sở kết quả chấp thuận của cấp có thẩm quyền (quyết định đầu tư đối với trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư; quyết định phê duyệt kế hoạch thuê đối với trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ), các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư hoặc thuê dịch vụ tổ chức lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu để trình thẩm định, phê duyệt theo quy định pháp luật đấu thầu.

2. Việc xác định giá gói thầu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

## **PHẦN II. THUÊ, THU HỒI, ĐIỀU CHUYỂN, BÁN, THANH LÝ, TIÊU HỦY TÀI SẢN CÔNG, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TRONG TRƯỜNG HỢP BỊ MẤT, BỊ HỦY HOẠI**

**Mục 1. Thuê tài sản công theo quy định tại Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.**

Căn cứ quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 2 Điều 41 Luật Đấu thầu, cấp có thẩm quyền quyết định việc thuê tài sản công theo quy định tại Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND đồng thời là cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuê tài sản công.

**Tiểu mục 1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên**

Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định thuê tài sản công có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công



tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuê tài sản công theo quy định pháp luật đấu thầu; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

**Tiểu mục 2. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND**

Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu thuê tài sản công lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuê tài sản công gửi đến Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có) để rà soát, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

**Tiểu mục 3. Đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND**

**1. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I):**

Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định thuê tài sản công có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu đối với đề nghị thuê tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

**2. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện:**

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định thuê tài sản công có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách thực hiện thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu đối với đề nghị thuê tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.



b) Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với trường hợp thuê tài sản công, gửi Cơ quan có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nhiệm vụ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

#### **Tiểu mục 4. Cơ sở xác định giá gói thầu**

Việc xác định giá gói thầu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

#### **Mục 2. Thu hồi tài sản công theo quy định tại Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND**

1. Cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.

2. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản công được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

3. Đối với trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND, Sở Tài chính là cơ quan có trách nhiệm rà soát hồ sơ theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thu hồi tài sản công theo quy định.

4. Đối với các trường hợp thu hồi tài sản công không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND, cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách rà soát hồ sơ theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) để tham mưu quyết định thu hồi tài sản công theo quy định.

#### **Mục 3. Điều chuyển tài sản công theo quy định tại Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.**

1. Cấp có thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.



2. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản công được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 13 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

3. Đối với trường hợp điều chuyển tài sản công thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND, Sở Tài chính là cơ quan có trách nhiệm rà soát hồ sơ theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 13 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chuyển tài sản công theo quy định.

**Mục 4. Bán, thanh lý tài sản công theo quy định tại Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.**

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán, thanh lý đối với tài sản công không phải là tài sản cố định theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 3 Điều 28 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 14, khoản 20 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

2. Cấp có thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản công là tài sản cố định được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.

3. Trình tự, thủ tục bán, thanh lý tài sản công được thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 15, khoản 21 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

4. Đối với trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán, thanh lý tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND, Sở Tài chính là cơ quan có trách nhiệm rà soát hồ sơ theo quy định tại Điều 23, Điều 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 15, khoản 21 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bán, thanh lý tài sản công theo quy định.

5. Đối với các trường hợp bán, thanh lý tài sản công không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND, cấp có thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản công là tài sản cố định giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản công có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách rà soát hồ sơ theo quy định tại Điều 23, Điều 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa



đổi, bổ sung bởi khoản 15, khoản 21 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) để tham mưu quyết định bán, thanh lý tài sản công theo quy định.

**Mục 5. Tiêu hủy tài sản công hoặc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo quy định tại Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.**

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định tiêu hủy tài sản công hoặc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công không phải là tài sản cố định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 3 Điều 34 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 24, khoản 25 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

2. Cấp có thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công hoặc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.

3. Trình tự, thủ tục quyết định tiêu hủy tài sản công hoặc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại được thực hiện theo quy định tại Điều 33, Điều 35 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

4. Đối với trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công hoặc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND, Sở Tài chính là cơ quan có trách nhiệm rà soát hồ sơ theo quy định tại Điều 33, Điều 35 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tiêu hủy tài sản công hoặc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo quy định.

5. Đối với các trường hợp tiêu hủy tài sản công hoặc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND, cấp có thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công hoặc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách rà soát hồ sơ theo quy định tại Điều 33, Điều 35 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP để tham mưu quyết định tiêu hủy tài sản công hoặc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo quy định.



### **PHẦN III. PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN THUỘC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 10 QUY ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 18/2024/NQ-HĐND**

Trình tự, thủ tục phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo quy định tại các Điều 93, 94, 94a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi các khoản 57, 58, 59 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

### **PHẦN IV. QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 11, ĐIỀU 12 QUY ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 18/2024/NQ-HĐND**

Trình tự, thủ tục quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện theo các trường hợp cụ thể đã được quy định chi tiết tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 29/2018/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### **PHẦN V. QUYẾT ĐỊNH VIỆC KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG**

1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định việc khai thác tài sản công tại đơn vị theo quy định tại điểm b3 khoản 4 Điều 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND, cấp có thẩm quyền quyết định việc khai thác tài sản công được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.

3. Trình tự, thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định việc khai thác tài sản công được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 10b; khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được bổ sung bởi khoản 7, khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

4. Căn cứ thẩm quyền quy định tại Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND, Cấp có thẩm quyền quyết định việc khai thác tài sản công giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách rà soát hồ sơ theo quy định tại Điều 10b; Điều 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được bổ sung bởi khoản 7, khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) để tham mưu quyết định



việc khai thác tài sản công theo quy định; việc xem xét, quyết định khai thác tài sản công phải đảm bảo tuân thủ đúng các nguyên tắc đã được quy định về khai thác tài sản công./.



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2024/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công và hàng hoá, dịch vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  
KHOÁ X KỲ HỌP THỨ 20**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;  
Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;  
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;  
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;  
Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;  
Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;  
Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;  
Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;



Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công và hàng hoá, dịch vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai; Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung nội dung Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình dự thảo Nghị quyết quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công và hàng hoá, dịch vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 636/BKTNS-CTHĐND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công và hàng hoá, dịch vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; tập trung chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện thống nhất đối với các cơ quan, tổ



chức, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai theo đúng quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

b) Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả công tác mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công và hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai. Đồng thời, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp định kỳ hàng năm về công tác mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công và hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của cấp mình theo quy định.

c) Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

d) Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo nội dung của văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế được cấp có thẩm quyền ban hành mới.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2024.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, Nghị quyết số 112/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực thi hành, trừ các trường hợp sau:

a) Đối với các trường hợp đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định việc thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; xử lý tài sản phục vụ dự án thuộc địa phương quản lý; xác lập, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo thẩm quyền quy định tại Nghị quyết số 112/2018/NQ-HĐND thì tiếp tục thực hiện các trình tự, thủ tục thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; xử lý tài sản phục vụ dự án thuộc địa phương quản lý; xác lập, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định pháp luật.



b) Đối với các trường hợp đang trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định việc thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; xử lý tài sản phục vụ dự án thuộc địa phương quản lý; xác lập, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo thẩm quyền quy định tại Nghị quyết số 112/2018/NQ-HĐND nhưng chưa được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt thì phải thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

c) Đối với các dự toán mua sắm (hoặc gói thầu hoặc nội dung mua sắm) nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định việc mua sắm theo thẩm quyền quy định tại Nghị quyết số 112/2018/NQ-HĐND thì tiếp tục thực hiện các trình tự, thủ tục mua sắm theo quy định pháp luật đấu thầu và quy định pháp luật có liên quan.

d) Đối với các dự toán mua sắm (hoặc gói thầu hoặc nội dung mua sắm) nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định việc mua sắm kể từ thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2024./*ma*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Vụ pháp chế các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực huyện ủy, thành ủy và HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- UBMTTQ Việt Nam các huyện, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Thái Bảo





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

**Thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công và hàng hoá, dịch vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về:

1. Thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công (tài sản công và tài sản công là vật tiêu hao) bao gồm việc quyết định mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, khai thác tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; xử lý tài sản phục vụ dự án thuộc địa phương quản lý; xác lập, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 67 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án có sử dụng đất).

3. Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ).



4. Quy định này không quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với các nguồn kinh phí (bao gồm nguồn kinh phí khoa học và công nghệ) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

5. Các nội dung khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản công và hàng hóa, dịch vụ không được quy định tại Quy định này thì được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Đấu thầu; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP; Nghị định số 29/2018/NĐ-CP; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP; Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước thuộc quản lý của tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 3. Nguồn vốn mua sắm**

1. Nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền giao dự toán chi ngân sách hàng năm; nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong trường hợp thực hiện theo hình thức không hình thành dự án đầu tư; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc giữ lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo quy định pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn tài chính hợp pháp khác được sử dụng theo quy định pháp luật của các đối tượng thuộc Điều 2 Quy định này.

2. Trường hợp sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm trong đó có bao gồm nguồn vốn quy định tại khoản 1 Điều này thì thẩm quyền quyết định việc mua sắm phải thực hiện theo quy định tại Quy định này.

3. Trường hợp sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó bao gồm nguồn vốn quy định tại các khoản 1, 2 Điều này và nguồn vốn đầu tư công thì thẩm quyền quyết định việc mua sắm được thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư công.

## **Chương II**

**THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM TÀI SẢN CÔNG (BAO GỒM TÀI SẢN CÔNG LÀ VẬT TIÊU HAO), HÀNG HÓA, DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ, MUA SẮM CÁC HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG**



**Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao), hàng hóa, dịch vụ và đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin**

1. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi tắt là nhà, đất); phương tiện vận tải đường bộ (xe ô tô, mô tô, xe chuyên dùng và các phương tiện vận tải đường bộ khác), phương tiện vận tải đường thủy và các phương tiện vận tải khác.

3. Người đứng đầu đơn vị dự toán các cấp quyết định việc mua sắm đối với gói thầu, nội dung mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) có giá trị không quá 200 triệu đồng. Người đứng đầu đơn vị dự toán các cấp quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị không quá 200 triệu đồng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định việc mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị.

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ trong phạm vi nguồn vốn quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này được thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định việc mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quyết định việc mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định việc mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

6. Đối với tài sản công và hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục mua sắm tập trung (cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh), các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện theo quy định pháp luật của Trung ương và cấp tỉnh về mua sắm tập trung.

7. Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều này.



### **Chương III**

## **THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH THUÊ, THU HỒI, ĐIỀU CHUYỂN, BÁN, THANH LÝ, TIÊU HỦY TÀI SẢN CÔNG, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TRONG TRƯỜNG HỢP BỊ MẤT, BỊ HỦY HOẠI TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG**

### **Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công**

1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 32 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định thuê tài sản công được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê đối với các loại tài sản công là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất).

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định thuê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; quyết định thuê tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong phạm vi nguồn vốn quy định tại Điều 3 Quy định này; trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản công đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương trong phạm vi nguồn vốn quy định tại Điều 3 Quy định này; trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

### **Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đối với các loại tài sản công là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất); phương tiện vận tải đường bộ (xe ô tô, mô tô, xe chuyên dùng và các phương tiện vận tải đường bộ khác), phương tiện vận tải đường thủy và các phương tiện vận tải khác.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công được thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định thu hồi tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định thu hồi tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

### **Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển đối với các loại tài sản công là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất); phương tiện vận tải đường bộ (xe ô tô, mô tô, xe chuyên dùng và các phương tiện vận tải đường bộ khác), phương tiện vận tải đường thủy và các phương tiện vận tải khác.



2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển đối với tài sản công không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán, thanh lý đối với các loại tài sản công là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất); phương tiện vận tải đường bộ (xe ô tô, mô tô, xe chuyên dùng và các phương tiện vận tải đường bộ khác), phương tiện vận tải đường thủy và các phương tiện vận tải khác.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán, thanh lý đối với tài sản công không phải là tài sản cố định theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 3 Điều 28 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 14, khoản 20 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản công là tài sản cố định đối với đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán đối với các tài sản công thuộc phạm vi quản lý của đơn vị được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định pháp luật.

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý đối với các tài sản công là tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý của đơn vị có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

c) Trường hợp thanh lý tài sản công có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm a, điểm b khoản 3 Điều này, thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản công là tài sản cố định được thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định bán, thanh lý đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định bán, thanh lý đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán, thanh lý tài sản công đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

### **Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các loại tài sản công là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất); phương tiện vận tải đường bộ (xe ô tô, mô tô, xe chuyên dùng và các phương tiện vận tải đường bộ khác), phương tiện vận tải đường thủy và các phương tiện vận tải khác.



2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công không phải là tài sản cố định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 3 Điều 34 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 24, khoản 25 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định và xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại được thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

#### **Chương IV**

### **THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN THUỘC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**

**Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc địa phương quản lý**

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

#### **Chương V**

### **THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN**

**Điều 11. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định của pháp luật đối với:

1. Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại khoản này bao gồm tài sản là bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa hoặc động sản.

2. Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ các tài sản quy định tại các khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.



3. Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

4. Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền của cấp có thẩm quyền.

5. Tài sản chuyển giao cho Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

## **Điều 12. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với:

1. Phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương quyết định tịch thu.

2. Phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu đối với các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

3. Phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế, hàng hóa tồn đọng đối với các trường hợp không thuộc phạm vi các điểm a, b và d khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

## **Chương VI**

### **THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG**

#### **Điều 13. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công**

1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định việc khai thác tài sản công tại đơn vị theo quy định tại điểm b3 khoản 4 Điều 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định việc khai thác tài sản công được thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định việc khai thác tài sản công đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định việc khai thác tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc khai thác tài sản công đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương./.